

Số: 60 /2022/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình
mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc
gia;*

*Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I:
từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021-2025;*

*Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn
mới giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3798/TTr-
SKHĐT ngày 10 tháng 10 năm 2022 và Công văn số 4219/SKHĐT-QLN ngày 02
tháng 11 năm 2022; Báo cáo thẩm định số 2267/BC-STP ngày 30 tháng 9 năm
2022 của Sở Tư pháp.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 /11/2022.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC, LĐTBXH, NNPTNT;
- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Pháp chế-Bộ KHĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ TP;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Báo Ninh Thuận, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm CNTT và Truyền thông;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, TCDNC, VXNV, KTTH;
- Lưu: VT. HC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Long Biên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

*(Kèm theo Quyết định số 60 /2022/QĐ-UBND ngày 07 /11/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân công, phân cấp quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã trực tiếp quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia hoặc có liên quan đến các hoạt động quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm của Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và các đơn vị, tổ chức có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.
3. Đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương, nhất là cấp cơ sở nhằm nâng cao tính chủ động, linh hoạt của các cấp chính quyền trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát các Chương trình mục tiêu quốc gia.
4. Thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý và tăng cường lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo sử dụng vốn tập trung, tiết kiệm, hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lặp; tránh thất thoát, lãng phí và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.
5. Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương II

LẬP, GIAO KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 4. Lập kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm

1. Lập kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Căn cứ lập kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm:

a) Đối với kế hoạch giai đoạn 5 năm: Thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Đối với kế hoạch hằng năm:

- Kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; huy động, phân bổ, sử dụng và giải ngân nguồn ngân sách nhà nước, các nguồn lực lồng ghép khác) của năm trước năm kế hoạch.

- Kế hoạch trung hạn của các Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các nhiệm vụ cấp bách, đột xuất mới phát sinh được cấp có thẩm quyền thông qua nhưng không có trong kế hoạch trung hạn của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội; lập kế hoạch đầu tư công; lập kế hoạch các Chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của Bộ Tài chính; hướng dẫn xây dựng nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ của Bộ, ngành quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia; của cơ quan Trung ương chủ trì dự án thành phần.

3. Nội dung kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm: Thực hiện theo khoản 3 Điều 6, khoản 2 Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

4. Trình tự lập kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai lập kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cùng với quá trình lập kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 5 năm, hằng năm cấp xã (bao gồm cả nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng); đề xuất các danh mục công trình và kế hoạch vốn đầu tư phát triển 5 năm, hằng năm cho các dự án từ thôn và trình Hội đồng nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội năm sau cấp xã; gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp trước ngày 15 tháng 6 hằng năm (đối với kế hoạch hằng năm); trước ngày 15 tháng 6 năm cuối giai đoạn 5 năm (đối với kế hoạch giai đoạn 5 năm).

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, xây dựng kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hằng năm của cấp huyện, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước khi gửi báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và Ban Dân tộc tỉnh - Cơ quan thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia, đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trước ngày 25 tháng 6 hằng năm (đối với kế hoạch hằng năm); trước ngày 25 tháng 6 năm cuối giai đoạn 5 năm (đối với kế hoạch giai đoạn 5 năm) để tổng hợp, xây dựng kế hoạch chung toàn tỉnh.

c) Các Cơ quan Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch từ các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xây dựng kế hoạch chung toàn tỉnh của từng Chương trình mục tiêu quốc gia gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trước ngày 01 tháng 7 hằng năm (đối với kế hoạch hằng năm); trước ngày 01 tháng 7 năm cuối giai đoạn 5 năm (đối với kế hoạch giai đoạn 5 năm).

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia và các địa phương tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư phát triển 5 năm, hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 31 tháng 7 hằng năm (đối với kế hoạch hằng năm); trước ngày 31 tháng 7 năm cuối giai đoạn 5 năm (đối với kế hoạch giai đoạn 5 năm).

đ) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia và các địa phương tổng hợp dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 31 tháng 7 hằng năm.

Điều 5. Giao kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

giai đoạn 5 năm, hằng năm

1. Đối với kế hoạch vốn đầu tư phát triển

a) Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước do Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao mục tiêu, nhiệm vụ; kế hoạch vốn đầu tư phát triển theo nội dung, dự án thành phần; danh mục dự án đầu tư thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị, địa phương cấp dưới trực thuộc theo quy định.

c) Việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ cho các đơn vị thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phải tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác về quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ của từng Chương trình mục tiêu quốc gia; đảm bảo phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

2. Đối với dự toán kinh phí sự nghiệp

a) Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước do Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh giao, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán kinh phí sự nghiệp theo nội dung, dự án thành phần thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giao dự toán kinh phí sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia cho các đơn vị, địa phương cấp dưới trực thuộc theo quy định.

c) Việc giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phải tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước và các quy định khác về quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ của từng Chương trình mục tiêu quốc gia; đảm bảo phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

Điều 6. Lập kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng

1. Yêu cầu, nội dung lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Trình tự lập kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia có sự

tham gia của cộng đồng:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch từng Chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm do Ủy ban nhân dân cấp xã trình (chi tiết danh mục dự án đầu tư, tổng vốn và cơ cấu vốn), phương án giao mục tiêu, nhiệm vụ hằng năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, gửi Cơ quan thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp.

c) Các Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với các cơ quan cấp tỉnh, các địa phương liên quan tổng hợp, xây dựng kế hoạch hằng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia do mình quản lý, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp.

Điều 7. Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn, kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn, kinh phí thực hiện các chương trình, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia từ nguồn ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối với vốn đầu tư phát triển: Thực hiện quản lý, sử dụng, cơ chế thanh toán, quyết toán vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công, quy định pháp luật liên quan, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và các quy định của tỉnh.

3. Đối với vốn sự nghiệp: Thực hiện quản lý, sử dụng, cơ chế thanh toán, quyết toán vốn sự nghiệp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, quy định của pháp luật có liên quan, hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định của tỉnh.

Chương III

PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP TRONG QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 8. Phân công trách nhiệm, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Cấp tỉnh

a) Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư là Cơ quan thường trực chung của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh điều phối, tổng hợp chung các nội dung liên quan đến các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, đôn đốc thực hiện, kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia được giao quản lý.

d) Sở Lao động-Thương binh và Xã hội là Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, đôn đốc thực hiện, kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia được giao quản lý.

đ) Ban Dân tộc tỉnh là Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý, đôn đốc thực hiện, kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia được giao quản lý.

e) Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh khác có liên quan được giao chủ trì triển khai dự án thành phần, tiểu dự án thành phần, các nội dung thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo các Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; theo chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án thành phần, tiểu dự án thành phần, nội dung thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Trưởng Ban, giúp Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chỉ đạo, quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn. Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo do Trưởng Ban Chỉ đạo cấp huyện quyết định.

3. Cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Ban quản lý xã để tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã. Trưởng Ban là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên bao gồm: Công chức cấp xã phụ trách lĩnh vực địa chính-nông nghiệp-xây dựng và môi trường, tài chính-kế toán; đại diện các đoàn thể chính trị-xã hội và cộng đồng dân cư.

4. Cấp thôn

Ban phát triển thôn do cộng đồng dân cư bầu, hoạt động theo quy chế do cộng đồng dân cư thống nhất và được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận. Ban phát triển thôn phải có ít nhất một thành viên là người có uy tín, kinh nghiệm tổ chức thực hiện gói thầu xây dựng công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp.

Điều 9. Phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp

a) Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia được áp dụng cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thực hiện theo quy định tại các Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

2. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

a) Đối với các dự án áp dụng đầu tư theo quy định: Thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo các quy định của pháp luật về đầu tư công, quy định của Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương về quản lý dự án thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Đối với các dự án áp dụng cơ chế đặc thù: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư các dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù.

3. Chủ đầu tư

a) Đối với các dự án áp dụng cơ chế đặc thù: Ban Quản lý xã là chủ đầu tư các dự án do Ủy ban nhân dân xã quyết định đầu tư.

b) Đối với các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Ủy ban nhân dân xã là chủ đầu tư. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao đòi hỏi có trình độ chuyên môn, xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã.

c) Đối với các dự án còn lại: Chủ đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện quyết định và thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật Sửa đổi bổ sung

một số điều của Luật Xây dựng (Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020) và các quy định hiện hành có liên quan.

Điều 10. Phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Phối hợp trong xây dựng các quy định, các văn bản về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

a) Cơ quan Thường trực chung của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh và các Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, kiến nghị các cơ chế quản lý chung để tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Cơ quan Thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì dự án thành phần, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trong việc xây dựng các quy định, văn bản hướng dẫn về quản lý, tổ chức thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cơ quan thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia, chủ trì dự án thành phần trong việc xây dựng các quy định, văn bản hướng dẫn về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp trong xây dựng kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn lập kế hoạch; tổng hợp kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia vào dự toán ngân sách hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Cơ quan thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với cơ quan chủ trì dự án thành phần hướng dẫn xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung từng Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm; tổng hợp kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 5 năm và hằng năm.

d) Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, theo chức năng nhiệm vụ, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch mục tiêu, nhiệm vụ và nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm.

3. Phối hợp trong cung cấp thông tin; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong cung cấp thông tin về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn; phối hợp kiểm tra, giám sát, đánh giá và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương IV

THEO DÕI, BÁO CÁO, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện và các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh được giao chủ trì triển khai dự án thành phần, tiểu dự án thành phần, các nội dung thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ các Chương trình mục tiêu quốc gia và việc sử dụng kinh phí theo định kỳ (6 tháng, hằng năm, giữa kỳ và kết thúc giai đoạn 5 năm) hoặc đột xuất gửi về Cơ quan thường trực chung và Cơ quan thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

a) Đối với báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 05/7 cùng năm.

b) Đối với báo cáo năm gửi trước ngày 10/02 năm sau năm kế hoạch.

c) Đối với báo cáo giữa kỳ đánh giá vào năm thứ ba của kỳ kế hoạch báo cáo gửi trước ngày 20/7 cùng năm.

d) Đối với báo cáo kết thúc giai đoạn 5 năm gửi trước ngày 15/02 năm đầu tiên sau khi kết thúc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Cơ quan thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm báo cáo tổng hợp chung tình hình thực hiện nhiệm vụ của từng Chương trình mục tiêu quốc gia và việc sử dụng kinh phí theo định kỳ (6 tháng, hằng năm, giữa kỳ và kết thúc giai đoạn 5 năm) hoặc đột xuất gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

a) Đối với báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 15/7 cùng năm.

b) Đối với báo cáo năm gửi trước ngày 25/02 năm sau năm kế hoạch.

c) Đối với báo cáo giữa kỳ đánh giá vào năm thứ ba của kỳ kế hoạch báo cáo gửi trước ngày 30/7 cùng năm.

d) Đối với báo cáo kết thúc giai đoạn 5 năm gửi trước ngày 30/02 năm đầu tiên sau khi kết thúc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp dự thảo báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ các Chương trình mục tiêu quốc gia và việc sử dụng kinh phí theo định kỳ (6 tháng, hằng năm, giữa kỳ và kết thúc giai đoạn 5 năm) hoặc đột xuất trình Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Cơ quan quản lý Chương trình và các cơ quan chủ trì dự án thành phần theo quy định.

- a) Đối với báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 20/7 cùng năm.
- b) Đối với báo cáo năm gửi vào cuối tháng 3 năm sau năm kế hoạch.
- c) Đối với báo cáo giữa kỳ đánh giá vào năm thứ ba của kỳ kế hoạch báo cáo gửi chậm nhất trước ngày 30/7 cùng năm.
- d) Đối với báo cáo kết thúc giai đoạn 5 năm gửi chậm nhất trước ngày 30/3 năm đầu tiên sau khi kết thúc Chương trình.

4. Trong báo cáo định kỳ, phải đánh giá tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia so với kế hoạch ban đầu đề ra theo từng mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra, những thay đổi (nếu có) và tình hình chấp hành dự toán được giao. Trường hợp Chương trình mục tiêu quốc gia không đảm bảo tiến độ và chất lượng so với dự kiến, trong báo cáo cần nêu rõ lý do chậm trễ, những khó khăn vướng mắc và đề xuất phương án, giải pháp khắc phục.

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình giải ngân vốn các chương trình, dự án trước ngày 15 hàng tháng gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Cơ quan thường trực từng Chương trình theo quy định hiện hành để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Cơ quan quản lý Chương trình và các cơ quan chủ trì dự án thành phần theo quy định.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cập nhật tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh vào Hệ thống thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 12. Giám sát, đánh giá thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Hàng năm Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp tỉnh có kế hoạch giám sát, đánh giá các đơn vị thực hiện về tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo định kỳ (6 tháng, cả năm) hoặc đột xuất.

2. Các Cơ quan thường trực Chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần và cơ quan có thẩm quyền quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia giám sát, đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Nội dung giám sát các Chương trình mục tiêu quốc gia:

a) Trách nhiệm, trình tự, cách thức thực hiện giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư công và quy định của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.

b) Nội dung giám sát của chủ chương trình:

- Theo dõi, kiểm tra việc quản lý thực hiện Chương trình: Xây dựng hệ thống văn bản quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình; lập kế hoạch thực hiện giai đoạn 5 năm và kế hoạch hằng năm; thực hiện và điều chỉnh kế hoạch triển khai chương trình; truyền thông, tăng cường năng lực quản lý Chương trình, dự án thành phần.

- Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình: Tiến độ, mức độ, kết

quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ; khối lượng thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc Chương trình.

- Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, dự toán ngân sách nhà nước: Huy động, sử dụng vốn thực hiện Chương trình, dự án thành phần; tình hình sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong thực hiện các dự án đầu tư, nội dung, hoạt động thuộc chương trình, dự án thành phần (giải ngân, thanh toán, quyết toán, nợ đọng vốn xây dựng cơ bản (nếu có)).

- Theo dõi, kiểm tra năng lực tổ chức thực hiện, việc chấp hành quy định về quản lý Chương trình, quản lý đầu tư, biện pháp xử lý các vấn đề vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền phát hiện (nếu có) của chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản chương trình.

- Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành chế độ giám sát, đánh giá Chương trình của chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản chương trình.

- Báo cáo kết quả thực hiện chương trình, kết quả xử lý các vướng mắc, khó khăn thuộc thẩm quyền và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt thẩm quyền.

c) Nội dung giám sát của chủ dự án thành phần:

- Theo dõi, kiểm tra các nội dung về: Xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện dự án thành phần theo phân cấp; công tác truyền thông, tăng cường năng lực quản lý, thực hiện nội dung, hoạt động dự án thành phần.

- Theo dõi, kiểm tra kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, hoạt động dự án thành phần.

- Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định về quản lý đầu tư, quản lý ngân sách nhà nước, năng lực quản lý dự án thành phần, việc xử lý các vấn đề vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền phát hiện (nếu có) của cơ quan chủ quản chương trình.

- Theo dõi các nội dung về: Tổng hợp tình hình thực hiện dự án thành phần; lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư; thực hiện kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, kết quả giải ngân; khó khăn, vướng mắc phát sinh và kết quả xử lý.

- Báo cáo tình hình thực hiện dự án thành phần; kết quả xử lý vướng mắc, khó khăn theo thẩm quyền và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc vấn đề vượt thẩm quyền.

d) Nội dung giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công:

- Theo dõi tình hình thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá của chủ chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản chương trình theo quy định.

- Tổng hợp tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: tiến độ thực hiện mục tiêu của từng chương trình; thực hiện kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp), giải ngân; khó khăn, vướng mắc phát sinh, kết quả xử lý các vướng mắc.

- Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định trong quản lý, tổ chức thực hiện, lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư thuộc chương trình của các cơ quan chủ chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản và các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện chương trình ở các cấp.

- Theo dõi, kiểm tra việc xử lý và chấp hành biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện của cơ quan, đơn vị liên quan.

- Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

đ) Chi phí thực hiện hoạt động giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia của chủ chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công được bố trí trong dự toán kinh phí sự nghiệp nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm.

4. Nội dung đánh giá các Chương trình mục tiêu quốc gia

a) Trách nhiệm, trình tự, cách thức thực hiện đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư công và quy định của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư.

b) Nội dung đánh giá hằng năm:

- Đánh giá công tác quản lý chương trình trong năm, gồm: Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; công tác điều phối, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

- Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

- Mức độ đạt được kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ so với kế hoạch hằng năm, giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao.

- Tồn tại, vướng mắc phát sinh và nguyên nhân.

- Phương hướng, giải pháp thực hiện năm tiếp theo.

c) Nội dung đánh giá giữa kỳ chương trình mục tiêu quốc gia:

- Đánh giá công tác quản lý chương trình, gồm: Kết quả xây dựng chính sách quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

- Tình hình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

- Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ gồm: sự phù hợp của kết quả thực hiện chương trình so với mục tiêu chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; mức độ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chương trình đến thời điểm đánh giá so với kế hoạch giai đoạn 5 năm.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Đề xuất các giải pháp thực hiện chương trình từ thời điểm đánh giá đến năm cuối giai đoạn 5 năm, bao gồm đề xuất điều chỉnh chương trình (nếu có).

d) Nội dung đánh giá kết thúc và đánh giá tác động chương trình mục tiêu quốc gia:

- Đánh giá công tác quản lý chương trình, gồm: kết quả xây dựng hệ thống chính sách quản lý, tổ chức thực hiện; công tác điều hành, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện; hoạt động truyền thông, thông tin và theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình; công tác chấp hành chế độ giám sát của cơ quan dân cử.

- Đánh giá kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn.

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của chương trình so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá tác động và hiệu quả đầu tư của chương trình đối với phát triển kinh tế-xã hội; tính bền vững của chương trình; bình đẳng giới; môi trường, sinh thái (nếu có).

- Bài học rút ra sau quá trình thực hiện chương trình và đề xuất khuyến nghị cần thiết để duy trì kết quả đã đạt được của chương trình; các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực về xã hội, môi trường (nếu có).

đ) Nội dung đánh giá đột xuất về chương trình mục tiêu quốc gia:

- Nội dung quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

- Xác định những phát sinh ngoài dự kiến (nếu có), nguyên nhân phát sinh ngoài dự kiến và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; ảnh hưởng của những phát sinh đến việc thực hiện chương trình, khả năng hoàn thành mục tiêu của chương trình.

e) Chi phí thực hiện hoạt động đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia của chủ chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công được bố trí trong dự toán kinh phí sự nghiệp nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm.

Điều 13. Giám sát cộng đồng đối với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

Việc giám sát cộng đồng đối với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo Điều 33 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh

1. Chỉ đạo, quản lý, điều hành việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên phạm vi địa bàn tỉnh.

2. Điều phối hoạt động của các Sở, ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh liên quan;

giữa các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý và điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 15. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Là cơ quan tổng hợp, điều phối chung các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tham mưu Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong chỉ đạo quản lý chung, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc hướng dẫn lập, tổng hợp, giao kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm và hằng năm; phối hợp với Cơ quan thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì thực hiện chương trình, dự án thành phần và địa phương xây dựng kế hoạch giai đoạn 5 năm và hằng năm các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Tổng hợp kết quả tình hình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo định kỳ (6 tháng, hằng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn 5 năm) hoặc đột xuất trình Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh xem xét báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Cơ quan quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện quy định được phân cấp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 16. Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh - Cơ quan Thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia lập dự toán và phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để tổng hợp vào dự toán ngân sách, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Chủ trì, phối hợp với Kho bạc nhà nước tỉnh hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp và quyết toán các Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Tổng hợp tình hình cấp phát, quyết toán kinh phí hằng năm cho từng Chương trình mục tiêu quốc gia, báo cáo cấp có thẩm quyền.

4. Phối hợp tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo định kỳ (6 tháng, hằng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn 5 năm) hoặc đột xuất; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 17. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội

1. Tham mưu cho Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 5 năm và hằng

năm.

2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 5 năm và hằng năm về nội dung, mục tiêu và nhiệm vụ của Chương trình.

3. Trực tiếp triển khai các dự án, nội dung hoạt động được phân công. Hướng dẫn nghiệp vụ triển khai thực hiện các dự án, nội dung, hoạt động theo chức năng quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực.

4. Thực hiện và hướng dẫn công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 5 năm và hằng năm.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (6 tháng, hằng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn 5 năm) hoặc đột xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy định này.

Điều 18. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tham mưu cho Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 5 năm và hằng năm.

2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 5 năm và hằng năm về nội dung, mục tiêu và nhiệm vụ của Chương trình.

3. Trực tiếp triển khai các dự án, nội dung hoạt động được phân công. Hướng dẫn nghiệp vụ triển khai thực hiện các dự án, nội dung, hoạt động theo chức năng quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực.

4. Thực hiện và hướng dẫn công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 5 năm và hằng năm.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (6 tháng, hằng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn 5 năm) hoặc đột xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy định này.

Điều 19. Ban Dân tộc tỉnh

1. Tham mưu cho Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 5 năm và hằng năm.

2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 5 năm và hằng năm về nội dung, mục tiêu và nhiệm vụ của Chương trình.

3. Trực tiếp triển khai các dự án, nội dung hoạt động được phân công. Hướng dẫn nghiệp vụ triển khai thực hiện các dự án, nội dung, hoạt động theo chức năng quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực.

4. Thực hiện và hướng dẫn công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 5 năm và hằng năm.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (6 tháng, hằng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn 5 năm) hoặc đột xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy định này.

Điều 20. Các Cơ quan chủ trì dự án thành phần, tiểu dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia gửi Cơ quan thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia để tổng hợp vào kế hoạch chung.

2. Phối hợp với Cơ quan thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia lập kế hoạch, thực hiện và hướng dẫn công tác kiểm tra, theo dõi, giám sát thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong theo dõi, kiểm tra, giám sát đánh giá định kỳ và đột xuất việc thực hiện chương trình, dự án thành phần trên địa bàn tỉnh.

3. Trực tiếp triển khai các dự án, nội dung hoạt động được phân công. Hướng dẫn nghiệp vụ triển khai thực hiện các dự án, nội dung, hoạt động theo chức năng quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (6 tháng, hằng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn 5 năm) hoặc đột xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy định này.

Điều 21. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với các Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần và các địa phương trong xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Chủ trì hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần có liên quan thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia theo chức năng nhiệm vụ.

Điều 22. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh

Giúp Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Điều 23. Tổ công tác Chương trình giảm nghèo bền vững và Chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1. Giúp Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội trong quản lý, điều phối tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

2. Giúp Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh trong quản lý, điều phối tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 24. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo mục tiêu, nhiệm vụ quy định của từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Triển khai xây dựng kế hoạch, tổng hợp kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn; đồng thời bố trí kinh phí đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương theo tỷ lệ quy định để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Chịu trách nhiệm quản lý, hướng dẫn sử dụng kinh phí được giao theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ từng Chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định về quản lý ngân sách và tài chính.

4. Tổ chức kiểm tra, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện định kỳ (6 tháng, hằng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn 5 năm) hoặc đột xuất gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cơ quan thường trực từng Chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần theo quy định.

Điều 25. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã theo đúng quy định.

2. Tuyên truyền vận động sự tham gia cộng đồng dân cư trong quá trình lập và tổ chức thực hiện kế hoạch; đồng thời phát huy vai trò giám sát của cộng đồng đối với kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được phân bổ. Tổ chức quản lý, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả công trình trên địa bàn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (6 tháng, hằng năm, giữa kỳ, kết thúc giai đoạn 5 năm) hoặc đột xuất cho cấp có thẩm quyền theo quy định.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư-Cơ quan Thường trực chung của các Chương trình mục tiêu quốc gia làm đầu mối tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.